TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số**: 17**/2018/QĐST- HNGĐ	*Tuyên Quang, ngày 19 tháng 01 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thô lý số 277/2017/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2017 giữa:

* *Nguyên đơn:* Chị **Đào Mai L**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Số nhà 39A, tổ 21, phường H Th, thành phố T, tỉnh Q.

* *Bị đơn:* Anh **Phạm Mạnh D**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Số nhà 238, đường Lê Đại Hành, tổ 12, phường H Th, thành phố T, tỉnh Q.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; 58; 81; 82; 83 và Điều 107; 110; 116; 117 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 01 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 01 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Đào Mai L và anh Phạm Mạnh D.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- *Về con chung:* Giao con chung là Phạm Nhật M, sinh ngày 01/6/2012 cho chị Đào Mai L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn. Anh Phạm Mạnh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L cho

cháu M mỗi tháng là 3.000.000đ *(Ba triệu đồng)*, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 02/2018 cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng định kỳ mỗi tháng một lần. Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- *Về tài sản chung, vay nợ chung:* Chị Đào Mai L và anh Phạm Mạnh D cùng xác định không có tài sản chung, không vay nợ chung, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Đào Mai L tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số N^0 0004987 ngày 29 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Q. Hoàn trả lại cho chị Đào Mai L số tiền chênh lệch là 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*. Anh Phạm Mạnh D phải nộp 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP Tuyên Quang (02 bản);
- Chi cục THADSTP Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- UBND Phường H Th, thành phố T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán

Nguyễn Thị Ngọc Lan